TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2018
Về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Toản;
*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông: Nguyễn Văn Hải;
- Bà: Dương Thị Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị N, sinh ngày: 30/10/1983;

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Nghệ nghiệp: Công nhân.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh ngày: 06/8/1982;

Nơi cư trú: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(Chị N và anh T đều có mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dương Thị N trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn ngày 03/04/2017 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu, sống chung cùng gia đình chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến đầu năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng phat sinh, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, vợ chồng hay cãi chửi nhau, có lần

anh T đánh đập và xúc phạm đến bản thân chị, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T có đến đón chị về nhưng chỉ được thời gian ngắn mâu thuẫn vợ chồng lại nảy sinh, anh T đã đuổi chị ra khỏi nhà. Chị và anh T chính thức sống ly thân nhau từ ngày 02/8/2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Phú T1, sinh ngày 29/9/2017, cháu hiện đang ở với anh T, khi ly hôn chị muốn được trực tiếp nuôi cháu T. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty may TNG chi nhánh may tại thành phố S, có thu nhập trung bình từ 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng/ tháng có thể đảm bảo được tốt cuộc sống của con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày như sau: Anh T thừa nhận về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân hiện nay như ý kiến trình bày trên của chị N là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị N không tôn trọng anh và gia đình anh. Anh và chị N đã sống ly thân nhau từ cuối tháng 8/2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Có 01 con chung là Hoàng Phú T1, sinh ngày 29/9/2017. Hiện con đang sống cùng anh, trường hợp phải ly hôn anh muốn được trực tiếp nuôi con. Hiện nay anh đang kinh doanh bán hàng tạp hóa, có thu nhập trung bình từ 9.000.000 – 10.000.000 đồng/ tháng nên anh có thể đảm bảo tốt cuộc sống của con. Ngoài việc anh chăm sóc cháu T1, thì hiện nay anh còn đang trực tiếp nuôi 3 người con riêng của anh, các cháu có thể giúp anh chăm sóc cháu T, nếu được nuôi con chung anh cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về việc nuôi con, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho các đương sự có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, song các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đó nêu trên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn, nuôi dưỡng con chung giữa nguyên đơn là chị Dương Thị N với bị đơn là anh Hoàng

Văn T cư trú tại xã B, huyện P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

[**2**] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Lý do chị N xin ly hôn với anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm và tính cánh sống không hòa hợp, anh T không tôn trọng chị, khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mâu thuẫn. Phía anh T cũng thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đầu tháng 8/2018 đến nay. Tại phiên tòa các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết cho được ly hôn theo quy định pháp luật. Như vậy có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình sống chung, vợ chồng chị N, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, trên thực tế anh T và chị N đã sống ly thân nhau. Như vậy, đời sống chung giữa chị N và anh T đã không duy trì được, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc cùng nhau nuôi dậy con cái là không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và cho chị N được ly hôn anh T ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Phú T1, sinh ngày 29/9/2017. Khi ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, xét thấy cháu T1 hiện nay còn quá nhỏ (Sinh ngày 29/9/2017) nên cháu rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Bên cạnh đó đến nay cháu T1 dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về nguyên tắc được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do vậy, xét yêu cầu được nuôi con chung của chị N phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi cháu Hoàng Phú T1 là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của anh Hoàng Văn T.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị N có yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T đều xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**[3]** Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu một khoản án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1**. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị N, cho chị Dương Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn T.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Phú T1, sinh ngày 29/9/2017 cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T vì chị N tự nguyện chưa yêu cầu

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**3.Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.Về án phí:** Chị Dương Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000576 ngày 12/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã B, H. P;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Toản**